

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2023/HC-PT

Ngày: 29-9-2023

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính về lĩnh vực
quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Đinh Phước Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** Ông Quách Hòa Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 124/2023/TLPT-HC ngày 12 tháng 6 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 85/2023/HC-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3129/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Đường Q, K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1997. Địa chỉ: Đường T, thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Thanh L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Tổ A, phường B, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- **Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Cùng địa chỉ: K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trương Văn T1 – Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Lê Văn T2 – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt

+ Ông Nguyễn Phước N – Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

+ Ông Bùi Thế K - Phó giám đốc Trung tâm B1 thuộc Công ty Cổ phần Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh M, sinh năm 1968.

2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Đường Q, K, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của ông M, bà C: bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1997; địa chỉ: đường T, thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Huỳnh Thị Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Bà Huỳnh Thị Thanh T là con của ông Huỳnh M và bà Trần Thị C. Vào năm 1994, ông Huỳnh M chung mua đất giá với các ông Trần Văn M1, Nguyễn Văn B và Bùi Thị Tuyết S lô đất có diện tích 3,7 ha hồ nuôi của Trạm dịch vụ nuôi trồng thủy sản huyện N, tọa lạc tại khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Sau mua, phần đất gia đình ông M được chia quản lý gồm 588m² để làm nhà ở và kinh doanh và hơn 4000m² đất nuôi trồng thủy sản. Quá trình sử dụng đất ông có nộp thuế đầy đủ và đã kê khai theo hồ sơ 64/CP tại thửa đất số 14, tờ bản đồ 4, diện tích 230,2m² loại đất T, mục đích sử dụng dụng là đất ở và vườn.

Năm 2000 vợ chồng ông M và bà C có xây thêm một ngôi nhà bên có diện tích khoảng 103m². Đến năm 2013 do nhà cửa xuống cấp ông M tu bổ, sửa chữa và cho bà T sử dụng làm nơi sinh sống ổn định riêng từ 2013 cho đến nay.

Tháng 7/2021, thực hiện dự án xây dựng công trình Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C. UBND huyện N, thu hồi toàn bộ phần đất mà gia đình ông Huỳnh M đang sử dụng là 418,5m² đất trong đó có 200m² đất ở và 218,5m² đất trồng cây lâu năm tại thửa đất số 16, thuộc mảnh chính lý bản trích lục bản đồ địa chính số 04-2020 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 21/5/2020.

Tại thời điểm thu hồi toàn bộ thửa đất, gia đình ông Huỳnh M có 3 cặp vợ chồng sinh sống trên thửa đất này gồm: Vợ chồng ông Huỳnh M và hai cặp vợ chồng các con Một là ông Huỳnh P và bà Huỳnh Thị Kim T3 tất cả đều có hộ khẩu thường trú tại khối B, thị trấn N đang sinh sống trên thửa đất ở bị thu hồi và chưa có nhà ở, đất ở nào khác tại thị trấn N. Riêng bà Huỳnh Thị Thanh T

con ông M cũng sinh sống ở đó và bà Huỳnh Thị Thanh T đã tách hộ (từ năm 2016) nhưng kết hôn, chưa lập gia đình.

Khi UBND huyện N, thực hiện việc bồi thường và tái định cư cho gia đình ông Huỳnh M, UBND huyện N chỉ bố trí cho 03 lô đất tái định cư cho gia đình ông M gồm lô số A10-37 cho ông Huỳnh M và bà Trần Thị C; bố trí lô đất tái định cư số A10-51B cho ông Huỳnh P và bố trí lô đất tái định cư số A10-51C cho bà Huỳnh Thị Kim T3. Bà Huỳnh Thị Thanh T không được bố trí lô tái định cư, không được bồi thường tài sản trên đất. Trong khi tài sản trên đất bị thu hồi của bà Huỳnh Thị Thanh T có tổng diện tích các công trình xây dựng bị ảnh hưởng theo biên bản kê khai và kiểm đếm hiện trạng ngày 2.11.2020 là 118m^2 (gồm: mái che phía trước và bên phải là $(3,2\text{m} \times 16,5\text{m} = 52,8\text{m}^2) + (1,4\text{m} \times 5,2\text{m} = 7,28\text{m}^2)$; nhà ở là $50,12\text{m}^2$ ($5,6\text{m} \times 10,2\text{m} = 57,12\text{m}^2$) - $(2,8\text{m} \times 2,5\text{m} = 7\text{m}^2)$ và mái che sau nhà là $7,8\text{m}^2$ ($5,6\text{m} \times 1,2\text{m}$). Thế nhưng UBND huyện N mới chỉ xác định diện tích các công trình xây dựng bị ảnh hưởng là $102,92\text{m}^2$, thiếu $(1,4\text{m} \times 5,2\text{m} = 7,28\text{m}^2)$ phần mái hiên phía trước bên phải.

Tháng 9/2021, bà T nhận được Quyết định số 15858/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho bà Huỳnh Thị T (Huỳnh Thị Thanh T) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua địa bàn thị trấn N) đợt 36 tại thị trấn N, huyện N. Theo đó UBND huyện N bồi thường, hỗ trợ cho bà Huỳnh Thị Thanh T với tổng số tiền là: 14.100.000 đồng, gồm hai khoản hỗ trợ sau:

- Hỗ trợ tiền thuê nhà: 9.600.000 đồng.
- Hỗ trợ ổn định đời sống: 4.500.000 đồng.

Ngoài ra, UBND huyện N không bồi thường về nhà và vật kiến trúc, không hỗ trợ khoản nào khác và cũng không bố trí lô tái định cư cho bà T. Không đồng ý với nội dung của Quyết định số 15858/QĐ-UBND ngày 16/8/2021, bà T làm đơn khiếu nại đối với Quyết định trên đến Chủ tịch UBND huyện N về bồi thường nhà ở, công trình vật kiến trúc và bố trí cho bà T một lô tái định cư. Đến ngày 30/12/2021, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 22030/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại không công nhận nội dung khiếu nại của bà Huỳnh Thị Thanh T, giữ nguyên Quyết định số 15858/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N.

Ngày 18/01/2022, bà T nộp khởi kiện và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét, giải quyết hủy Quyết định số 15858/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho bà Huỳnh Thị T (Huỳnh Thị Thanh T) và Quyết định số 22030/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại không công nhận nội dung khiếu nại của bà Huỳnh Thị Thanh T; buộc UBND huyện N ban hành lại quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà T theo đúng quy định của pháp luật trong đó phải có thêm các khoản sau:

- Hỗ trợ ổn định nơi ở mới là 1.000.000 đồng.
- Hỗ trợ đối với gia đình chính sách số tiền là 4.000.000 đồng.
- Khen thưởng chấp hành chủ trương ban giao mặt bằng 10.000.000 đồng.

- Bồi thường chi phí di chuyển tài sản là 3.500.000 đồng.
- Bồi thường về nhà và vật kiến trúc. Bố trí cho bà T một lô tái định cư.

Quá trình đối thoại và tại phiên toà người bị kiện UBND huyện N; Chủ tịch UBND huyện N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T:

UBND huyện N cho rằng các quyết định bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện N và quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện N đối với bà Huỳnh Thị Thanh T là đúng trình tự thủ tục và đúng quy định của pháp luật. Bởi lẽ:

+ *Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất của hộ ông Huỳnh M (cha của bà Huỳnh Thị Thanh T):*

Hộ ông Huỳnh M đang sử dụng thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020, diện tích 418,5m² có nguồn gốc là mua đấu giá năm 1994, thời điểm sử dụng đất sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004. Theo hồ sơ 60/CP lập trên địa bàn thị trấn N được Giám đốc Sở Địa chính tỉnh Quảng Nam phê duyệt ngày 23/8/2001 thì ông Huỳnh Văn M2 (Huỳnh M2) có tên trong Sổ Địa chính tại Quyền số 4, tờ 54, thửa đất số 14, tờ bản đồ số 4, diện tích 230,2m², loại đất T, mục đích sử dụng là đất ở + vườn.

+ *Về quá trình xử lý vi phạm hành chính đối với ông Huỳnh M2:* Ngày 07/10/2013, UBND thị trấn N vi phạm hành chính số 88/BB-VPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông Huỳnh M2. Ngày 08/10/2013, Chủ tịch UBND thị trấn N đã ban hành Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Huỳnh M2 do đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính sử dụng đất không đúng mục đích tại thửa đất số 14, 15, tờ bản đồ số 04, thuộc khối B, thị trấn N để xây dựng quán kinh doanh ăn uống, diện tích vi phạm 180,4m²; kết cấu móng gạch cao 1m, tường xây gạch, ô tô cao 03m; vị trí vi phạm cách tim đường Q 13,3m, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 105/2009/NĐ-CP ngày 11/11/2009 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; hình thức xử phạt là phạt tiền 350.000 đồng; kèm theo biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại phần diện tích sử dụng không đúng mục đích theo nguyên trạng ban đầu tại thửa đất số 14, 15, tờ bản đồ số 04. Ông Huỳnh M2 đã nộp tiền phạt vào ngày 10/10/2013. Ngày 09/10/2013, ông Huỳnh M2 có viết bản cam kết gửi UBND thị trấn N liên quan đến hành vi vi phạm hành chính của mình, cụ thể như sau: “Vào ngày 09/10/2013 tôi có xây dựng quán để kinh doanh ăn uống nhưng chưa xin phép chính quyền địa phương. Cơ quan địa phương đã lập biên bản và đã xử phạt, bản thân tôi đã chấp hành quy định nhà nước và đã nộp phạt. Vậy tôi viết bản cam kết này để xin cơ quan địa phương cho phép tôi được tồn tại và làm ăn để lo cho 3 đứa con đang là sinh viên và hoàn cảnh gia đình đang khó khăn không làm ra tiền để lo cho 3 đứa con ăn học. Nếu chính quyền địa phương cho phép, tôi xin cam kết nếu nhà nước có giải tỏa hay mở đường mà đụng đến quán hiện nay tôi đang xây dựng thì tôi tự tháo dỡ.”. Như vậy, ông Huỳnh M2 đã nhận thức được hành vi vi phạm hành chính do mình thực hiện và đã tự nguyện chấp hành hình thức xử phạt; cam kết tự tháo dỡ khi có giải tỏa hoặc mở đường.

+ *Về quá trình thu hồi đất:* Ngày 16/7/2020, UBND huyện N ban hành Thông báo số 167/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án: Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N (đợt A). Ngày 13/7/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 14827/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, theo đó hộ ông Huỳnh M2 bị thu hồi diện tích $418,4\text{m}^2$, trong đó loại đất ở đô thị là 200m^2 , loại đất trồng cây lâu năm là $218,4\text{m}^2$, tại thửa đất số 16 (toàn bộ thửa đất), tờ bản đồ số 04-2020.

+ *Về kết quả đo đạc xác định diện tích xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống.*

Ngày 10/9/2021, Phòng T phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND thị trấn N tổ chức kiểm tra hiện trạng để xác định diện tích xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống của hộ ông Huỳnh M2 tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020, kết quả xác định: Tổng diện tích công trình xây dựng trên đất (nhà ở, mái che hiên, nền sân,...) là $373,83\text{m}^2$, trong đó diện tích mái che là $140,28\text{m}^2$, diện tích cụm nhà vệ sinh, bếp, phòng ngủ là $60,10\text{m}^2$, diện tích nhà ở là $145,85\text{m}^2$, diện tích mái hiên là $14,65\text{m}^2$ và diện tích sân tráng xi măng là $12,95\text{m}^2$.

+ *Về tài sản, vật kiến trúc bà Huỳnh Thị Thanh T yêu cầu bồi thường:*

Ngày 25/11/2020, Hội đồng tư vấn thị trấn N họp xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng tài sản trên đất của các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án đường trục chính từ KCN T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N. Danh sách kèm theo Biên bản họp Hội đồng tư vấn nêu trên thể hiện, bà Huỳnh Thị Thanh T có các công trình bị ảnh hưởng như mái che, nhà ở, mái che sau nằm trên thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020 của hộ ông Huỳnh M2, thời điểm xây dựng là năm 2013, công trình này đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2013 của Chủ tịch UBND thị trấn N. Ngày 28/9/2021, Phòng T làm việc với UBND thị trấn N để xác định phần diện tích hộ ông Huỳnh M2 đang sử dụng đã bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2013 về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích tại thửa đất số 14, 15, tờ bản đồ số 04 theo hồ sơ 60/CP (theo hồ sơ chính lý là thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020) tại khối B, thị trấn N. Theo đó, UBND thị trấn N xác định: Trong tổng diện tích $200,38\text{m}^2$ hiện nay hộ ông Huỳnh M2 đang sử dụng để làm mái che ($140,28\text{m}^2$) và cụm nhà vệ sinh, bếp, phòng ngủ ($60,10\text{m}^2$) thì có $180,4\text{m}^2$ đã bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2013 về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích theo Biên bản vi phạm hành chính số 88/BB-VPHC ngày 07/10/2013 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2013 nêu trên; phần diện tích còn lại là $19,98\text{m}^2$ ($200,38\text{m}^2 - 180,4\text{m}^2$) hộ ông Huỳnh M2 xây dựng sau năm 2013 nhằm mục đích phục vụ cho công trình đã bị xử phạt vi phạm hành chính và nằm trong thửa đất số 15, tờ bản đồ số 04, loại đất ao tôm theo hồ sơ 60/CP nên diện tích này cũng sử dụng không đúng mục đích. Toàn bộ diện tích các công trình của bà T bị ảnh hưởng 118m^2 đều nằm trong tổng diện

tích 200,38m² nêu trên. Do đó, đây là tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật.

+ *Về quá trình xét bố trí tái định cư:* Theo danh sách dự kiến tái định cư ban hành kèm theo Biên bản họp Hội đồng tư vấn ngày 25/11/2020 của UBND thị trấn N thể hiện: Ông Huỳnh M2 có nhà ở, đăng ký đất ở theo hồ sơ 60/CP, bị thu hồi 100%, chưa có nhà ở, đất ở nào khác tại thị trấn; ông Huỳnh P và bà Huỳnh Thị Kim T3 là các con của ông Huỳnh M2, đã có gia đình, có hộ khẩu thường trú tại khối B, đang sinh sống trên thửa đất ở bị thu hồi, chưa có nhà ở, đất ở nào khác tại thị trấn; bà Huỳnh Thị Thanh T chưa kết hôn, nên không có tên trong danh sách dự kiến tái định cư.

+ *Về quá trình bồi thường, hỗ trợ:* Ngày 03/8/2021, UBND huyện N ban hành Quyết định số 15858/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho bà Huỳnh Thị Thanh T để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N) đọt C tại thị trấn N, huyện N; theo đó bồi thường, hỗ trợ cho bà Huỳnh Thị Thanh T với số tiền là 14.100.000 đồng, gồm hỗ trợ tiền thuê nhà 9.600.000 đồng; hỗ trợ ổn định đời sống là 4.500.000 đồng. Hiện nay, UBND huyện N đã bố trí lô đất tái định cư số A10-37 cho ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C1 (theo Quyết định số 15857/QĐ-UBND ngày 03/8/2021); bố trí lô đất tái định cư số A10-51B cho ông Huỳnh P (theo Quyết định số 15860/QĐ-UBND ngày 03/8/2021) và bố trí lô đất tái định cư số A10-51C cho bà Huỳnh Thị Kim T3 (theo Quyết định số 15859/QĐ-UBND ngày 03/8/2021). Bà Huỳnh Thị Thanh T sống trên thửa đất ở bị thu hồi của hộ ông Huỳnh M2 nhưng bà T chưa đăng ký kết hôn. Như vậy, tại thời điểm có thông báo thu hồi đất đối với hộ ông Huỳnh M2 (ngày 16/7/2020) thì bà Huỳnh Thị Thanh T chưa đăng ký kết hôn.

Từ cơ sở trên UBND huyện N thấy:

Đối với nội dung yêu cầu bồi thường về nhà ở, công trình, vật kiến trúc:

Bà Huỳnh Thị Thanh T có các công trình bị ảnh hưởng gồm mái che, nhà ở, mái che sau nằm trên thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020 của hộ ông Huỳnh M2 là 118m², các tài sản này nằm trong 180,4m² thời điểm xây dựng là năm 2013, các công trình này đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2013 của Chủ tịch UBND thị trấn N đối với ông Huỳnh M2 và nằm trong phần diện tích còn lại là 19,98m² (200,38m² - 180,4m²) hộ ông Huỳnh M2 xây dựng sau năm 2013 để mục đích phục vụ cho công trình đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, đây là tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật. Tại khoản 2 Điều 35 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam quy định: “Điều 35. Trường hợp, Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất....2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”. Căn cứ quy định nêu trên thì các công trình bị ảnh hưởng như mái che, nhà ở, mái che sau của bà Huỳnh Thị Thanh T nằm trên thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020 của hộ ông Huỳnh M2 không đủ điều kiện để được

bồi thường. Nên việc bà Huỳnh Thị Thanh T yêu cầu UBND huyện N bồi thường về nhà ở, công trình, vật kiến trúc cho Bà là không có cơ sở.

- *Đối với nội dung yêu cầu bố trí 01 lô đất tái định cư:* Hộ ông Huỳnh M2 thuộc trường hợp bị thu hồi hết đất ở để thực hiện dự án đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N mà không còn nhà ở, đất ở nào khác trên địa bàn thị trấn N; tại thời điểm thu hồi đất có 03 cặp vợ chồng thực tế cùng chung sống trên thửa đất ở bị thu hồi (gồm vợ chồng ông Huỳnh M2, vợ chồng ông Huỳnh P và vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim T3); đối với bà Huỳnh Thị Thanh T thì tại thời điểm có thông báo thu hồi đất bà T chưa đăng ký kết hôn. Căn cứ điểm a khoản 3 và khoản 6 Điều 11a Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q được bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q về sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh thì trường hợp của hộ ông Huỳnh M2 chỉ được bố trí 03 lô đất tái định cư, gồm lô đất tái định cư cho ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C (lô thứ 1), là đất tái định cư cho ông Huỳnh P (lô thứ 2) và lô đất tái định cư cho bà Huỳnh Thị Kim T3 (lô thứ 3). Do đó, việc bà Huỳnh Thị Thanh T yêu cầu bố trí cho bà 01 lô đất tái định cư là không có cơ sở.

Không đồng ý với Quyết định số 15858/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N, bà Huỳnh Thị Thanh T có đơn khiếu nại về hai nội dung trên và đã được Chủ tịch UBND huyện N giải quyết tại Quyết định số 22030/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 không công nhận nội dung khiếu nại của bà Huỳnh Thị Thanh T là có cơ sở. Như vậy, Quyết định số 15858/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N về việc bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho bà Huỳnh Thị Thanh T để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua thị trấn N) đợt C tại thị trấn N, huyện N là đúng quy định của pháp luật. Việc bà Huỳnh Thị Thanh T yêu cầu hủy Quyết định số 15858/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N và Quyết định số 22030/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện N là không có cơ sở.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 85/2023/HC-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2, 3 Điều 116, Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Huỳnh Thị Thanh T về việc hủy Quyết định số 15858/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho bà Huỳnh Thị Thanh T để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Đường trục chính từ khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua địa bàn thị trấn N) đợt 36 tại thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam; hủy Quyết định số 22030/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Chủ tịch UBND huyện N về giải quyết khiếu nại của bà Huỳnh Thị Thanh T; buộc UBND huyện N ban hành lại quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho bà Huỳnh Thị Thanh T theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2023, người khởi kiện bà Huỳnh Thị Thanh T có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung: Kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, đề nghị sửa quyết định sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện UBND huyện N: Đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án như sau: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và quyết định là đúng pháp luật, người khởi kiện bà T kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới, do đó đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T, thấy:

Quyết định số 15858/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND huyện N, tỉnh Quảng Nam về bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng cho bà Huỳnh Thị T (Huỳnh Thị Thanh T) để giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C (đoạn qua địa bàn thị trấn N) đợt 36 tại thị trấn N, huyện N. Theo đó UBND huyện N bồi thường, hỗ trợ cho bà Huỳnh Thị Thanh T với tổng số tiền là: 14.100.000 đồng, gồm hai khoản hỗ trợ sau:

- Hỗ trợ tiền thuê nhà: 9.600.000 đồng.
- Hỗ trợ ổn định đời sống: 4.500.000 đồng.

Ngoài ra, UBND huyện N không bồi thường về nhà và vật kiến trúc, không hỗ trợ khoản nào khác và cũng không bố trí lô tái định cư cho bà T. Không đồng ý với nội dung của Quyết định số 15858/QĐ-UBND ngày 16/8/2021, bà T làm đơn khiếu nại đối với Quyết định trên đến Chủ tịch UBND huyện N về bồi thường nhà ở, công trình vật kiến trúc và bố trí cho bà T một lô tái định cư. Ngày 30/12/2021, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 22030/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại không công nhận nội dung khiếu nại của bà Huỳnh Thị Thanh T, giữ nguyên Quyết định số 15858/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND huyện N.

[2] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị Thanh T, thấy:

[2.1] Bà Huỳnh Thị Thanh T là con của ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C và ở cùng chung thửa đất của ông M2. Quyết định số 14827/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND huyện N về việc thu hồi đất để xây dựng đường trục chính từ Khu công nghiệp T đi cảng K và sân bay C đoạn qua thị trấn N, huyện N, thu hồi hộ ông Huỳnh M2 diện tích 418,4m², trong đó loại đất ở đô thị là 200m², loại đất trồng cây lâu năm là 218,4m², tại thửa đất số 16 (toàn bộ thửa đất), tờ bản đồ số 04-2020. Ngày 10/9/2021, Phòng T phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND thị trấn N tổ chức kiểm tra hiện trạng để xác định diện tích xây dựng nhà ở và các công trình phục vụ đời sống của hộ ông Huỳnh M2 tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 04-2020, xác định tổng diện tích công trình xây dựng trên đất (nhà ở, mái che, hiên, nền sân...) là 373,83m², trong đó diện tích mái che là 140,28m², diện tích cụm nhà vệ sinh, bếp, phòng ngủ là 60,10m², diện tích nhà ở là 145,85m², diện tích mái hiên là 14,65m² và diện tích sân tráng xi măng là 12,95m². Trong phần diện tích 200,38m² (gồm diện tích sử dụng để làm mái che 140,28m² và cụm nhà vệ sinh, bếp, phòng ngủ là 60,10m²) thì có 118m² được xác định là tài sản của bà Huỳnh Thị Thanh T (tài sản này vợ chồng ông M2 đã cho bà T năm 2013) gồm: mái che phía trước và bên phải là (3,2m x 16,5m = 52,8m²) + (1,4m x 5,2m) = 7,28m²; nhà ở là 50,12m² (5,6m x 10,2m = 57,12m²) - (2,8m x 2,5m = 7m²) và mái che sau nhà là 7,8m² (5,6m x 1,2m). Phần diện tích này nằm trong phần diện tích 200,38m² của hộ ông Huỳnh M2 được kiểm đếm. Phần diện tích 118m² được xác định nằm trong diện tích 180,4m², thời điểm xây dựng là năm 2013, các công trình này đã bị xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 13/QĐ-XPVPHC ngày 08/10/2013 của Chủ tịch UBND thị trấn N đối với ông Huỳnh M2 là 60,08m² còn lại (118m² - 60,08m² = 57,92m²) hộ ông Huỳnh M2 xây dựng sau năm 2013 ông Huỳnh M2 cho bà Huỳnh Thị Thanh T để ở; tại Bản cam kết của ông Huỳnh M2 ngày 09/10/2023 ông M2 đã cam kết nếu sau này mở đường, giải tỏa ông tự tháo dỡ (BL 67); toàn bộ diện tích này xây dựng trái phép trên đất trồng cây lâu năm và nuôi trồng thủy sản không phải đất ở. Do đó, đây là tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật. Tại khoản 2 Điều 35 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

Quảng Nam quy định: “Điều 35. Trường hợp, Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất....2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật”. Vì phần các công trình của bà T bị ảnh hưởng 118m² là tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật. Vì vậy, UBND huyện N không bồi thường cho bà T 118m² các công trình xây dựng nêu trên là đúng qui định của quyết định của UBND tỉnh Q nói trên.

[2.2] Về các khoản hỗ trợ cho bà T:

Điều 27 Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q, chỉ hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất. Trường hợp của hộ bà Huỳnh Thị Thanh T không bị thu hồi đất. Các vật kiến trúc trên đất của hộ bà T xây dựng trên thửa đất 16, thuộc mảnh chính lý bản trích lục bản đồ địa chính số 04-2020 của hộ ông Huỳnh M2. Việc UBND huyện N không hỗ trợ cho bà Huỳnh Thị Thanh T các khoản: Hỗ trợ ổn định nơi ở mới; hỗ trợ đối với gia đình chính sách, khen thưởng chấp hành chủ trương ban giao mặt bằng, bồi thường chi phí di chuyển tài sản; các khoản hỗ trợ này UBND huyện N hỗ trợ cho ông Huỳnh M2.

[2.3] Về việc bố trí tái định cư:

Tại thời điểm thu hồi toàn bộ thửa đất, gia đình ông M2 có 03 cặp vợ chồng cùng sinh sống trên thửa đất này gồm: Vợ chồng ông Huỳnh M2 và hai cặp vợ chồng các con Một là ông Huỳnh P và bà Huỳnh Thị Kim T3 tất cả đều có hộ khẩu thường trú tại khối B, thị trấn N và chưa có nhà ở, đất ở nào khác tại thị trấn N. Quá trình, bồi thường hỗ trợ tái định cư UBND huyện N đã bố trí cho gia đình ông Huỳnh M2 03 lô đất tái định cư gồm lô số A10-37 cho ông Huỳnh M2 và bà Trần Thị C (theo Quyết định số 15857/QĐ-UBND ngày 03/8/2021); bố trí lô đất tái định cư số A10-51B cho ông Huỳnh P (theo Quyết định số 15860/QĐ-UBND ngày 03/8/2021) và bố trí lô đất tái định cư số A10-51C cho bà Huỳnh Thị Kim T3 (theo Quyết định số 15859/QĐ-UBND ngày 03/8/2021). Đối với bà Huỳnh Thị Thanh T con gái ông M2 cũng sinh sống trên thửa đất này và T đã tách hộ (từ năm 2016) nhưng chưa kết hôn, chưa lập gia đình (đến ngày 8/2/2023 bà T mới đăng ký kết hôn); đồng thời bà T không bị thu hồi đất ở. Theo qui định tại điểm a khoản 3 và khoản 6 Điều 11a Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Q được bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Quyết định số 19/2017/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Q thì trường hợp bà Huỳnh Thị Thanh T không thuộc các trường hợp được bố trí đất tái định cư.

[3] Từ những nhận định trên thấy, Tòa án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thanh T là có căn cứ và đúng quy định về giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do UBND tỉnh Q quy định khi thực hiện dự án. Người khởi kiện bà Huỳnh Thị Thanh T kháng cáo tại cấp phúc thẩm không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới khác; do đó Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Thanh T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm: Người khởi kiện bà Huỳnh Thị Thanh T phải chịu án phí hành chính theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Thanh T và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 85/2023/HC-ST ngày 29/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Các phần khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hành chính:

Người khởi kiện bà Huỳnh Thị Thanh T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm số tiền 300.000 đồng; được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm số 0000095 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Nam. Bà Huỳnh Thị Thanh T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm số tiền: 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000228 ngày 12/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Người khởi kiện bà Huỳnh Thị Thanh T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn